

Số: /KH-UBND

Phú Thịnh, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Phú Thịnh giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP); Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án số 22-ĐA/TU); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 15-KH/TU);

Thực hiện Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Kế hoạch hành động số 24-KH/ĐU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phú Thịnh về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

UBND xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số xã Phú Thịnh giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã Phú Thịnh phát triển toàn diện,

manh mẽ, tập trung vào chất lượng và hiệu quả sử dụng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã; trong đó lấy xây dựng Chính quyền số cấp xã làm trọng tâm, bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công; từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số theo hướng văn minh, an toàn, bao trùm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 11/NQ-CP; Đề án số 22-ĐA/TU và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 24-KH/ĐU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phú Thịnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh:

* Giai đoạn 2026 - 2027:

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

* Giai đoạn 2028 - 2030:

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái

sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu:

* Giai đoạn 2026 - 2027:

- 100% thủ tục hành chính nội bộ được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

- 100% các nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính quyền số do tỉnh triển khai được đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

* Giai đoạn 2028 - 2030:

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- Phấn đấu 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn xã sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp theo định hướng của cấp trên.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

* Giai đoạn 2026 - 2030:

- Phát triển kinh tế số trên địa bàn, góp phần thực hiện mục tiêu của tỉnh về

phần đầu quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP (bao gồm tính cả đóng góp của khối doanh nghiệp FDI).

- Phát triển doanh nghiệp số:

+ Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyên đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 90%.

- Thúc đẩy thanh toán số, phổ cập thanh toán số toàn diện cho người dân và doanh nghiệp.

- Thúc đẩy kinh tế số trong các lĩnh vực, gồm: Thương mại điện tử; nông nghiệp; văn hóa, du lịch; công nghiệp sản xuất, chế tạo. Đồng thời, phát triển kinh tế số gắn liền tài chính, ngân hàng, tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững.

+ Đối với nông nghiệp: Thúc đẩy các trang trại, hợp tác xã dùng nền tảng quản trị, tích hợp cảm biến IoT.

+ Đối với du lịch: Thúc đẩy các cơ sở lưu trú sử dụng nền tảng quản trị số và cho phép đặt phòng trực tuyến.

+ Đối với thương mại: Tăng tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử/tổng mức bán lẻ; tăng tỷ lệ cửa hàng bán buôn, bán lẻ sử dụng nền tảng số.

2.3. Phát triển xã hội số:

* Giai đoạn 2026 - 2030:

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90%.

- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

- Phổ cập kết nối cáp quang băng rộng tới hộ gia đình, 100% khách hàng có

nhu cầu đều có truy cập FTTH tốc độ Gbps.

- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 100%.
- 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.
- Mở rộng mô hình, phương thức tập huấn để nâng cao kỹ năng số tối thiểu trên 75% học sinh, sinh viên, người lao động và người dân trên địa bàn xã.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Thực hiện số hóa các di sản văn hóa, kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản với phát triển du lịch, nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của: Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã; các thành viên Ban Chỉ đạo và Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các văn bản, kế hoạch, chương trình liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ được giao thông qua việc cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch thực hiện bảo đảm theo hướng 6 rõ (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả); thường xuyên giám sát, theo dõi tiến độ thực hiện để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) trong hoạt động của UBND xã theo hướng dẫn của cấp trên. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, gương điển hình tiên tiến trong triển khai chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Thể chế, chính sách số

- Tham gia rà soát, góp ý hoàn thiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai Chính quyền số và Chiến lược dữ liệu của tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện các quy định, quy chế, chính sách phục vụ triển khai, quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu, phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng các dịch vụ công trực tuyến cũng như các hoạt động thực thi công vụ trên môi trường số. Định kỳ rà soát việc khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở do tỉnh công bố.

- Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực như: chính sách phát triển, thu hút nhân lực, đội ngũ cán bộ làm chuyên đổi số; khuyến khích, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ chính quyền số; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập; chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ số... theo quy định và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách về tuyển dụng, phát triển nhân lực công nghệ thông tin, chuyên đổi số cho cấp xã theo quy định của Trung ương và của tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin như phần mềm, phần cứng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đăng ký và hoạt động tại địa phương.

- Tham gia nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm các nhiệm vụ ứng dụng AI, Big Data, IoT, blockchain và các công nghệ mới trong y tế, giáo dục, nông nghiệp, lâm nghiệp.

- Khuyến khích các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã phối hợp đề xuất, tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo phương thức hợp tác công tư khi có chương trình, dự án do cơ quan có thẩm quyền triển khai theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục rà soát, kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Hạ tầng số

- Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số của xã giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm đồng bộ, toàn diện, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng cao; làm nền tảng thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Phối hợp phát triển hạ tầng số tại các khu vực trọng điểm; thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS, tuyến truyền dẫn,...) kiên cố, bền vững để bảo đảm tính kết nối, liên thông và đồng bộ, phục vụ quá trình chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; phối hợp triển khai hạ tầng IoT (Internet vạn vật) tích hợp vào các công trình giao thông, điện, nước, môi trường.

- Triển khai khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và công dữ liệu mở của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số với các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để tăng hiệu quả đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc rà soát, đề xuất bố trí quỹ đất, vị trí phù hợp trên địa bàn xã phục vụ phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin theo quy hoạch và kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

- Triển khai cập nhật và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn xã, bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; ưu tiên các lĩnh vực như: y tế, giáo dục, quản lý dân cư, đất đai, dịch vụ công và các lĩnh vực phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện chủ trương ưu tiên sử dụng các nền tảng điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp theo định hướng “Cloud First” của tỉnh, hạn chế đầu tư hệ thống máy chủ riêng lẻ tại cơ quan, đơn vị; bảo đảm an toàn thông tin và hiệu quả trong khai thác, vận hành hệ thống thông tin.

4. Nhân lực số

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc chính quyền số; dữ liệu, phân tích dữ liệu; sử dụng dữ liệu, ứng dụng AI hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành; an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ làm công tác chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,... trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng nhằm trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm mô hình, giải pháp hay cho chuyển đổi số.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh; đồng thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền các giải pháp phù hợp nhằm thu hút, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua

phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

5. Dữ liệu số

- Triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên, trong đó tập trung vào 3 nhóm dữ liệu:

(1) Nhóm dữ liệu về người dân: Dữ liệu hành chính, hộ tịch, y tế, giáo dục, an sinh.

(2) Nhóm dữ liệu tài chính - doanh nghiệp: Dữ liệu tổng hợp và thống kê thu chi ngân sách, quản lý đầu tư công, quản lý tài sản công, doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể.

(3) Nhóm dữ liệu về đất đai - đô thị: Dữ liệu đất đai, dữ liệu nền thông tin địa lý, dữ liệu xây dựng, giao thông, quy hoạch - kiến trúc.

- Triển khai khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Phối hợp khai thác, sử dụng dữ liệu mở do cơ quan có thẩm quyền công bố trong các ngành, lĩnh vực như: giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; nông nghiệp và môi trường; tài chính; văn hóa, thể thao, du lịch; xây dựng; y tế; tư pháp,... phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gắn với định danh công dân theo Đề án 06, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.

- Số hóa tài liệu lưu trữ của cơ quan song song với việc cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, góp phần làm giàu Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức.

- Phối hợp thực hiện tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: Dân cư, đất đai, doanh nghiệp,... trên nền tảng số dùng chung của tỉnh; khai thác, sử dụng các ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phân tích, hỗ trợ ra quyết định theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

- Duy trì, bảo đảm việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của tỉnh; thường xuyên rà soát, cập nhật, bảo đảm dữ liệu thống nhất, chính xác, kịp thời.

- Thực hiện rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu theo hướng dẫn; bảo đảm

dữ liệu “Đúng - đủ - sạch - sống”.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp khai thác, sử dụng dữ liệu mở do cơ quan có thẩm quyền công bố, phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã theo cấp độ; các hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đạt mục tiêu theo quy định và hướng dẫn của Bộ Công an.

- Tham gia các hội nghị đào tạo, tập huấn, diễn tập hoặc tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng; triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; tham gia hoạt động của đội ứng cứu sự cố, mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng, chống lộ lọt dữ liệu; phối hợp triển khai các giải pháp phát hiện, ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến theo hướng dẫn của cấp trên.

- Triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin quan trọng của tổ chức, cá nhân trên môi trường số; tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số; định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá, diễn tập phương án phòng, chống tấn công mạng.

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Triển khai sử dụng, rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Triển khai thực hiện các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Công văn số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh, xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Công văn số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc;...

- Tăng cường chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số, dữ liệu số do cấp trên triển khai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; từng bước ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu phục vụ theo dõi, đánh giá, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý nhà nước trên địa bàn.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn phục vụ công việc.

7.4. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) trên địa bàn xã Phú Thịnh.

8. Kinh tế số

8.1. Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

- Triển khai thực hiện hiệu quả: Kế hoạch số 148/KHPPH-BKHCN-UBND ngày 02/12/2025 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh Thái Nguyên về phối hợp triển khai thí điểm hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh

Thái Nguyên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số vào các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tiễn, như:

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ: Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như IoT, AI, sinh học, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc trong sản xuất nông nghiệp.

- Thương mại, dịch vụ: Ứng dụng các nền tảng số, thương mại điện tử trong tiêu thụ sản phẩm.

- Các lĩnh vực khác: Từng bước ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã tham gia các nền tảng số kết nối giữa doanh nghiệp với nhà cung cấp giải pháp công nghệ, chuyên gia, viện nghiên cứu, trường đại học; tham gia các hội chợ, hội thảo, diễn đàn công nghệ nhằm tiếp cận, học tập, ứng dụng các mô hình chuyển đổi số hiệu quả.

- Khuyến khích xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm địa phương, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc trong sản xuất, chế biến; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng kênh phân phối sản phẩm.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng các công cụ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động trong môi trường số.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chương trình, kế hoạch của cấp trên; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia hỗ trợ chuyển đổi số trên địa bàn.

8.2. Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số

- Phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tiếp cận, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số phù hợp như: quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, từng bước mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thông qua các nền tảng số.

- Phối hợp khảo sát hiện trạng, đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn; tổng hợp, đề xuất với cấp có thẩm quyền các nội dung, giải pháp hỗ trợ phù hợp.

- Cử cán bộ, đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hội nghị, hội thảo, sự kiện công bố chính sách hỗ trợ và giới thiệu các mô hình chuyển đổi số tiêu biểu; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận, tìm hiểu các sản phẩm công nghệ trong lĩnh vực chuyển đổi số do cấp trên tổ chức.

- Phối hợp tham gia, kết nối với các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển đổi số để hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tiếp cận các giải pháp và chính sách hỗ trợ phù hợp.

- Phối hợp rà soát, giới thiệu các nền tảng, phần mềm phục vụ chuyển đổi số phù hợp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tổng hợp, đề xuất nhu cầu hỗ trợ với cấp có thẩm quyền.

- Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp mới thành lập tiếp cận các chính sách hỗ trợ chuyển đổi số; phối hợp phổ biến các tài liệu, cẩm nang số do cấp trên ban hành.

9. Xã hội số

- Tiếp tục phối hợp triển khai các mô hình điểm của Đề án 06 trên địa bàn, trong đó tập trung các mô hình như: cấp lý lịch tư pháp qua VNeID, hồ sơ sức khỏe điện tử, mô hình trường học (học bạ số, xác thực thông tin giáo viên và học sinh; cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VNeID (SSO); quản lý điểm, lịch học); thu phí không dùng tiền mặt tại các điểm giữ xe tĩnh, Kiosk khám sức khỏe, hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền,... nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp triển khai, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu y tế trên địa bàn; cung cấp, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm y tế và hồ sơ sức khỏe điện tử theo yêu cầu của cấp trên, hướng tới hình thành hồ sơ sức khỏe số trọn đời cho mỗi người dân. Phối hợp triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân; phấn đấu bảo đảm 100% người dân có hồ sơ y tế được quản lý, cập nhật liên tục.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn thông qua các nền tảng học trực tuyến, cá nhân hóa học tập và triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM. Phối hợp triển khai, khai thác nền tảng LMS (Learning Management System) tích hợp AI cá nhân hóa lộ trình học. Phối hợp số hóa giáo trình và thư viện điện tử; ứng dụng AI hỗ trợ giảng dạy, chấm điểm tự động. Cử giáo viên và học sinh tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số do cấp trên tổ chức như: lập trình, phân tích dữ liệu, an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm nâng cao kỹ năng, năng lực hỗ trợ, hướng dẫn cho người dân trên địa bàn sử dụng các dịch vụ, ứng dụng thiết

thực để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai hiệu quả phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, vận động người dân tham gia sử dụng các dịch vụ, tiện ích số như: dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số; cấp chữ ký số miễn phí cho người dân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ từ nguồn lực xã hội hóa, doanh nghiệp viễn thông và các chương trình của Trung ương, của tỉnh nhằm hỗ trợ thiết bị thông minh, thiết bị IoT, đường truyền cáp quang cho hộ gia đình, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ số của người dân trên địa bàn.

- Duy trì triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập kiến thức cơ bản về chuyên đổi số, kỹ năng số cho người dân trên địa bàn xã từ đó góp phần xây dựng xã hội số, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận, học tập, làm việc, sản xuất và tương tác trên môi trường số.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

(Có Danh sách nhiệm vụ chuyên đổi số giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, bảo đảm nguyên tắc “6 rõ” (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả*).

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị.

Chủ trì rà soát danh mục nhiệm vụ chuyên đổi số; tham mưu xác định các nội dung cần triển khai, xây dựng nhiệm vụ, dự án, đề án và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

Định kỳ hằng quý (*trước ngày 20 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 20/5*), 1 năm (*trước ngày 15/12*) hoặc đột xuất (*khi được yêu cầu*), tổng hợp kết quả triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, tham mưu báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã, gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu UBND xã trong công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị.

Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; duy trì hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của UBND xã.

3. Phòng Kinh tế

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp, thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số.

Phối hợp triển khai thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; phát triển kinh tế số, tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số.

Phối hợp rà soát, đề xuất các nhiệm vụ, dự án, chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế gắn với chuyển đổi số; tham mưu bố trí, lồng ghép nguồn lực theo quy định.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký số.

Phối hợp triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền; hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong cộng đồng.

6. Công an xã

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06; hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng ứng dụng VNeID và các dịch vụ công trực tuyến.

Phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình triển khai chuyển đổi số.

7. Các cơ sở giáo dục, Trạm Y tế xã

Phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, y tế

theo hướng dẫn của ngành; ứng dụng các nền tảng số, hồ sơ điện tử.

Cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số do cấp trên tổ chức.

8. Các xóm, Tổ công nghệ số cộng đồng

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và các tiện ích số.

Thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số.

9. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục thuộc UBND xã; Công an xã định kỳ hằng quý (*trước ngày 18 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 18/5*), 1 năm (*trước ngày 13/12*) hoặc đột xuất (*khi được yêu cầu*) báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Phú Thịnh giai đoạn 2026 - 2030./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục trên địa bàn xã;
- Các xóm, Tổ công nghệ số cộng đồng;
- Lưu: VT, PVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Đông

NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2026 của UBND xã Phú Thịnh)

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|----|---|-----------------------------------|---|--------------------------|
| 1. | Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Từ năm 2026 đến năm 2030 |
| 2. | Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh cấp xã | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Từ năm 2026 đến năm 2030 |
| 3. | Ứng dụng công nghệ, AI, IoT trong nông nghiệp (thí điểm 1 mô hình, sau đó nhân rộng): tưới tiêu thông minh, quản lý nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng trong đất. Gắn với sản phẩm ở xã nào thì xã sẽ lựa chọn phạm vi và đề xuất | Phòng Kinh tế | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Từ năm 2026 đến năm 2030 |
| 4. | Xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc) | Phòng Kinh tế | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Từ năm 2026 đến năm 2030 |
| 5. | Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Các cơ quan, đơn vị | Từ năm 2026 đến năm 2030 |
| 6. | Rà soát, đánh giá, bổ sung và nâng cấp (nếu có) hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan, đảm bảo an toàn thông tin theo quy định | Các cơ quan, đơn vị | Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND xã | Từ năm 2026 đến năm 2030 |